TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:19/2019/HNGĐ-ST Ngày: 10-6-2019. V/v tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Khon

2. Ông Nguyễn Quốc Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Võ Thanh Trường Giang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 tháng 5 và ngày 10 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2019 và và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Diễm M, sinh năm: 1988.

Nơi cư trú: Ấp 3, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Anh Mai T, sinh năm:1985.

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/01/2019, biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2019 của chị Nguyễn Thị Diễm M, biên bản hòa giải ngày 02/4/2019 và ngày 02/5/2019 và trong quá trình xét xử:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm M trình bày: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên thống nhất, tổ chức đám cưới vào năm

2009 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban xã B vào ngày 20/11/2009.

Chị và anh T sống hạnh phúc, đến năm 2016-2017 thì bắt đầu mâu thuẩn do bất đồng ý kiến, quan điểm sống, dẫn đến không chia sẽ mọi chuyện với nhau. Anh T thường hay chửi mắn, xúc phạm danh sự, nhân phẩm, uy tín của chị, chị và gia đình có khuyên can nhưng anh T không sửa đổi nên mâu thuẩn ngày càng trầm trọng dẫn đến ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Trong thời gian chung sống có tạo được con chung tên Mai Nguyễn K, sinh ngày 15/8/2012, tài sản chung và nợ chung không có.

Nay chị Nguyễn Thị Diễm M yêu cầu ly hôn với anh Mai T, con chung yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con, tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Mai T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 1, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của chị M, cũng như tham dự phiên họp hòa giải nên tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh T về yêu cầu khởi kiện của chị M.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Diễm M trình bày: Chị yêu cầu ly hôn với anh T, con chung thống nhất giao cháu Mai Nguyễn K cho anh T nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Mai T trình bày: Thống nhất ly hôn với chị M, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Mai Nguyễn K, không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình do được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa lần thứ 1 không có lý do.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 55, Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Mai T; Con chung giao cháu Mai Nguyễn K cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành, chị M không cấp

dưỡng cho cháu K do anh T không có yêu cầu cấp dưỡng cho con, tài sản chung không có, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] **Về hôn nhân:** Hôn nhân giữa chị M và anh T là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống anh T thường hay chửi mắn, xúc phạm danh dự của chị M, dẫn đến việc anh chị ly thân từ tháng 12/2018 đến nay nhưng anh chị và gia đình hai bên không tìm cách hàn gắn tình cảm. Hôn nhân giữa chị M và anh T mâu thuẫn trầm trọng một thời gian dài do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị M và anh T thống nhất thuận tình ly hôn cùng nhau nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Mai T là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị M và anh T có 01 người con chung tên Mai Nguyễn K, sinh ngày 15/8/2012, hiện nay cháu K đang sống với chị M. Tại phiên tòa, chị M và anh T thỏa thuận thống nhất giao cháu K cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến trưởng thành, chị M không cấp dưỡng cho con do anh T không có yêu cầu cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh T, giao cháu Mai Nguyễn K cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc đến trưởng thành là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình.

[3] **Về tài sản chung và nợ chung**: Tài sản chung không có, nợ chung không có nợ ai và cũng không ai nợ lại, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] **Về án phí**: Chị Nguyễn Thị Diễm M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc.

[5] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Mai T, chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Mai T thống nhất thuận tình ly hôn cùng nhau.

2/ Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị Diễm M và anh Mai T.

Giao cháu Mai Nguyễn K, sinh ngày 15/8/2012 cho anh Mai T được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Diễm M không phải cấp dưỡng cho cháu Mai Nguyễn K do anh T không có yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, chị M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị M không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của chị M.

3/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Diễm M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị M đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số BH/2017- 0004631 ngày 19/02/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, chị Diễm M không phải nộp thêm.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Bình Tấn, huyện Thanh Bình, Đồng Tháp;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án/ Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lý Thị Bích Thơ